

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố chương trình đào tạo bậc đại học theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

- Căn cứ Quyết định số 1233/GD-ĐT ngày 30 tháng 3 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

- Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng các trường đại học thuộc Đại học Quốc gia được quy định trong Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 12/02/2001;

- Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Căn cứ Quyết định số 1368/QĐ/ĐHQG-ĐH&SĐH ngày 21 tháng 11 năm 2008 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ;

- Căn cứ Quyết định số 64 /QĐ – ĐT ngày 16 tháng 2 năm 2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn về việc ban hành Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ;

- Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo của 43 (bốn mươi ba) chương trình giáo dục bậc đại học theo hệ thống tín chỉ, hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Chương trình đào tạo này được áp dụng kể từ học kỳ 1 năm học 2009-2010 cho sinh viên thuộc hình thức đào tạo chính quy.

Điều 3. Các Trưởng khoa/bộ môn, Trưởng phòng, ban chức năng và sinh viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như **Điều 3**;
- ĐHQG (để báo cáo);
- ĐU, BGH;
- Lưu TCHC, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC BẠC ĐẠI HỌC
THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

*(Kèm theo Quyết định số 324/ QĐ-ĐT ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)*

Stt	Tên Chương trình giáo dục	Tên Ngành	Mã Ngành
1	Tâm lý giáo dục	Giáo dục học	52.14.01.01
2	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	52.14.01.01
3	Hán-Nôm	Hán-Nôm	52.22.01.03
4	Việt Nam học	Việt Nam học	52.22.01.05
5	Văn hoá-Văn học	Ngữ văn Anh (Tiếng Anh)	52.22.02.01
6	Biên phiên dịch	Ngữ văn Anh (Tiếng Anh)	52.22.02.01
7	Ngữ học – Dạy tiếng	Ngữ văn Anh (Tiếng Anh)	52.22.02.01
8	Song ngữ Nga - Anh	Ngữ văn Nga (Tiếng Nga)	52.22.02.02
9	Ngữ văn Pháp	Ngữ văn Pháp (Tiếng Pháp)	52.22.02.03
10	Ngữ văn Trung Quốc	Ngữ văn Trung Quốc (Tiếng Trung)	52.22.02.04
11	Ngữ văn Đức	Ngữ văn Đức (Tiếng Đức)	52.22.02.05
12	Nhật Bản học	Đông phương học	52.22.02.21
13	Hàn Quốc học	Đông phương học	52.22.02.21
14	Trung Quốc học	Đông phương học	52.22.02.21
15	Úc học	Đông phương học	52.22.02.21
16	Ấn Độ học	Đông phương học	52.22.02.21
17	Thái Lan học	Đông phương học	52.22.02.21
18	Indonesia học	Đông phương học	52.22.02.21
19	Triết học	Triết học	52.22.03.01
20	CNXHKH	Triết học	52.22.03.01
21	Khoa học chính trị	Triết học	52.22.03.01
22	Lịch sử Việt Nam	Lịch sử	52.22.03.02
23	Lịch sử thế giới	Lịch sử	52.22.03.02
24	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử	52.22.03.02
25	Khảo cổ học	Lịch sử	52.22.03.02
26	Văn hoá học	Văn hoá học	52.22.03.03
27	Ngôn ngữ học	Ngôn ngữ học	52.22.03.04
28	Văn học	Văn học	52.22.03.05
29	Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế	52.31.02.04
30	Xã hội học	Xã hội học	52.31.03.01
31	Nhân học	Nhân học	52.31.03.02

32	Tâm lý học	Tâm lý học	52.31.04.01
33	Địa lý môi trường	Địa lý học	52.31.05.01
34	Địa lý kinh tế - phát triển vùng	Địa lý học	52.31.05.01
35	Địa lý dân số - Xã hội	Địa lý học	52.31.05.01
36	Bản đồ, viễn thám, GIS	Địa lý học	52.31.05.01
37	Địa lý du lịch	Địa lý học	52.31.05.01
38	Báo in và Xuất bản	Báo chí	52.32.01.01
39	Các phương tiện truyền thông điện tử	Báo chí	52.32.01.01
40	Thư viện – Thông tin học	Thư viện – Thông tin	52.32.02.03
41	Lưu trữ học và Quản trị văn phòng	Lưu trữ học và Quản trị văn phòng (Lưu trữ học)	52.32.03.01
42	Đô thị học	Quản lý đô thị (Đô thị học)	52.34.04.11
43	Công tác xã hội	Công tác xã hội	52.76.01.01

Tổng cộng có 43 (bốn mươi ba) Chương trình giáo dục thuộc 24 (hai mươi bốn) Ngành đào tạo.